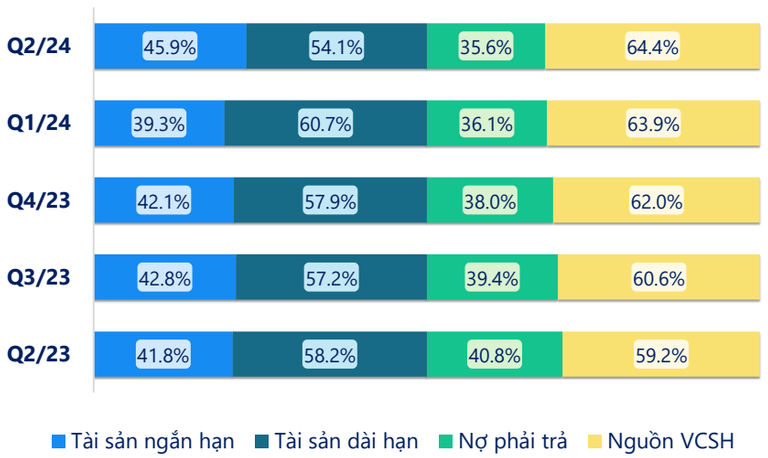
FireAnt

CTCP Create Capital Việt Nam (HSX: CRC)

Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	6,540
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,490
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,210
SL cổ phiếu LH	60,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	74,400
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	392
P/E	6.8
EPS	957

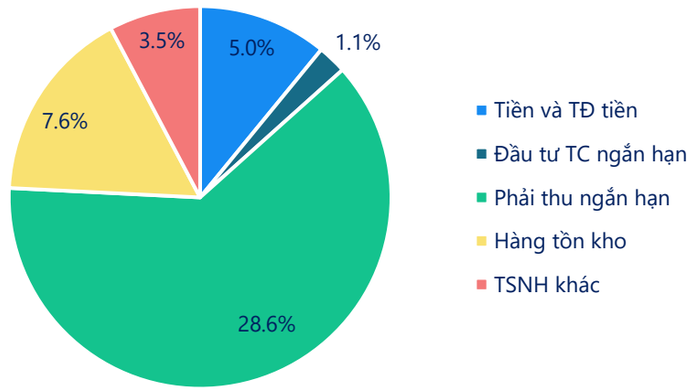
	YTD	1T	3T	6T
CRC	12.0%	2.5%	0.6%	19.3%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%

Cơ cấu Tổng tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

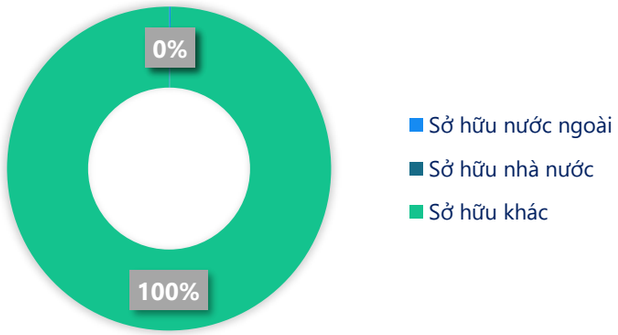
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Q2/24

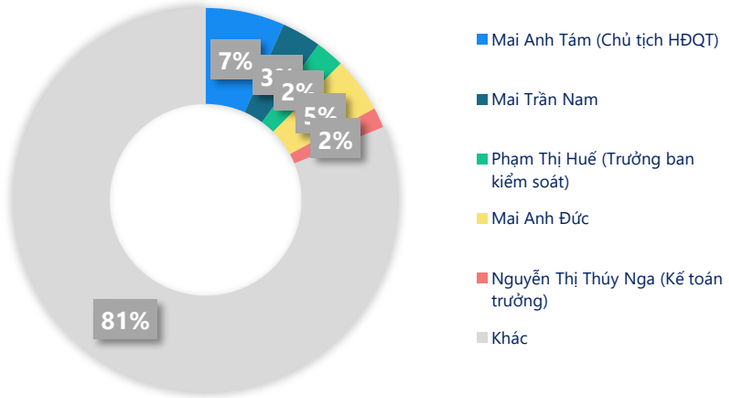
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



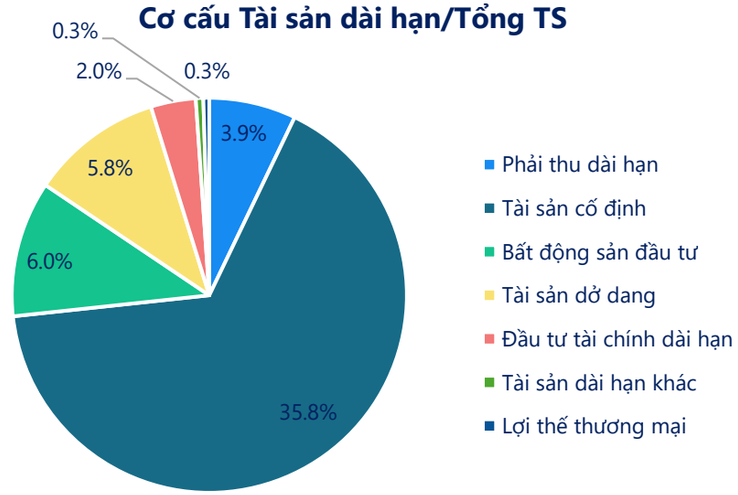
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



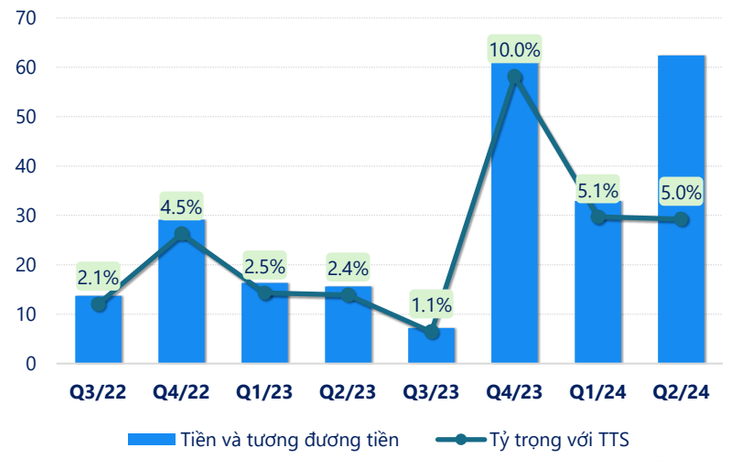
Q2/24

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

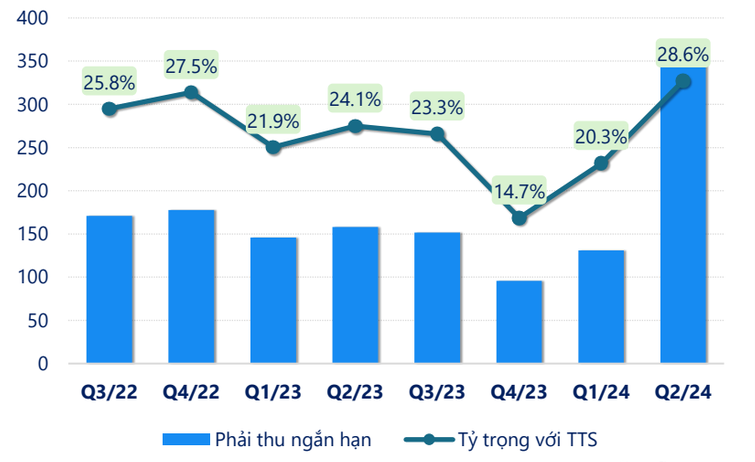
CTCP Create Capital Việt Nam (HSX: CRC)

Tiền và tương đương tiền



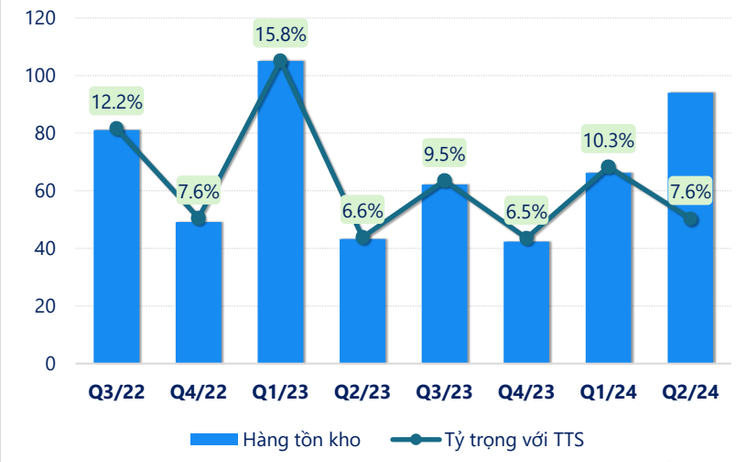
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



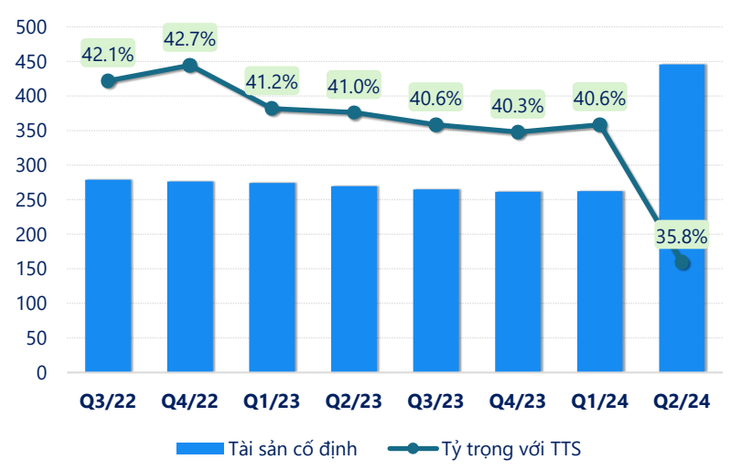
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



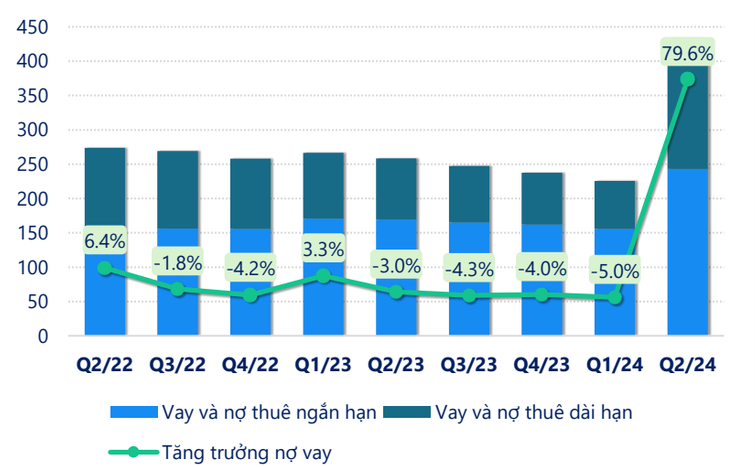
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



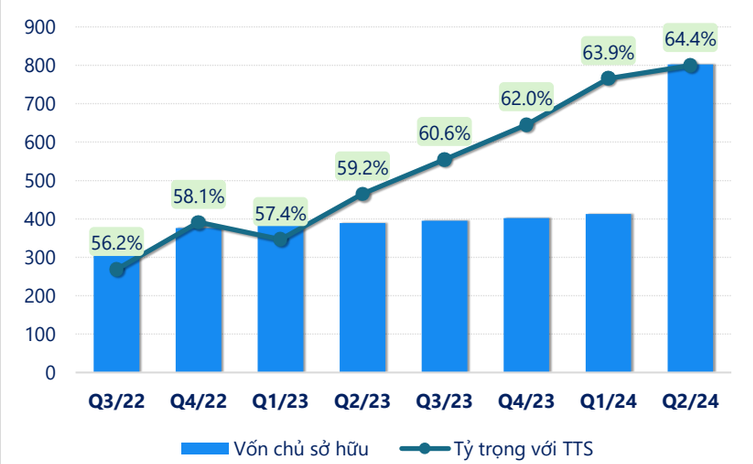
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

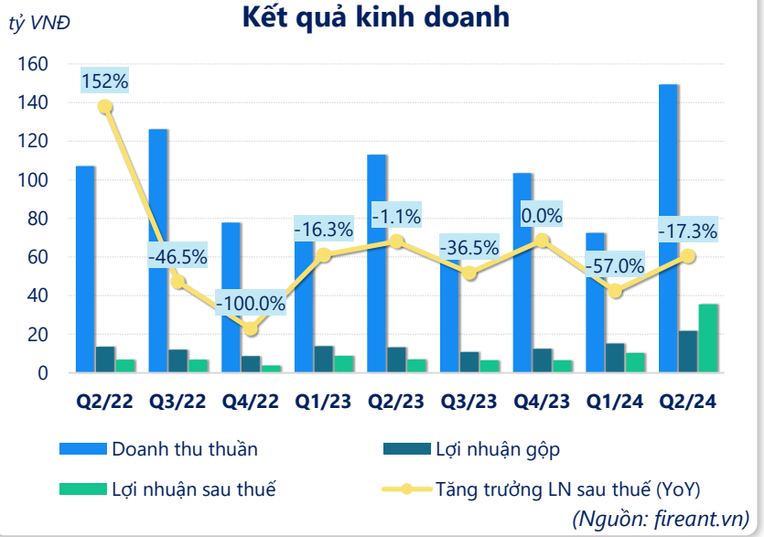


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

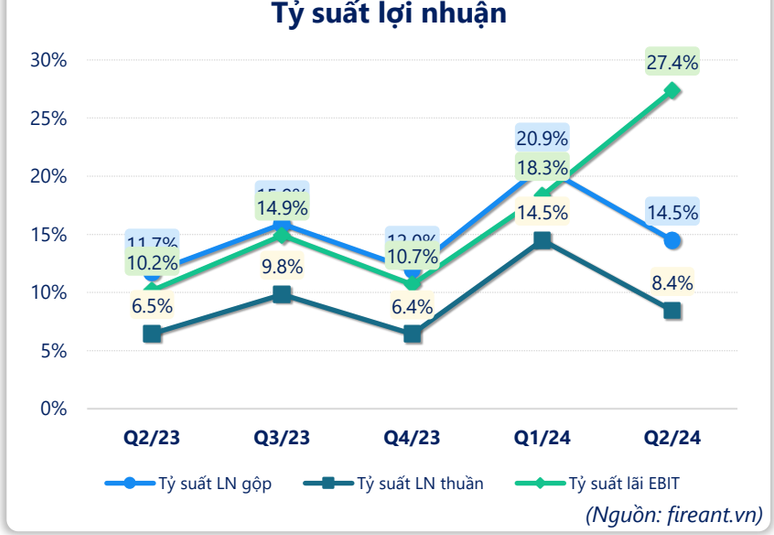
CTCP Create Capital Việt Nam (HSX: CRC)

Kết quả kinh doanh



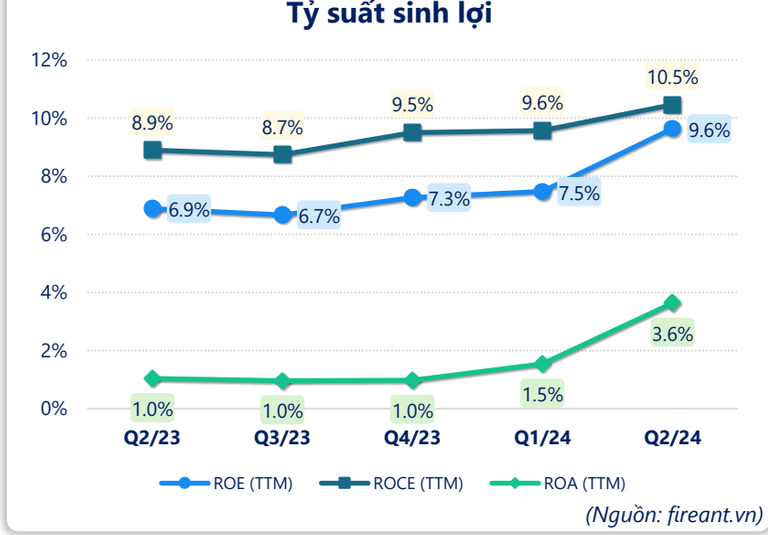
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



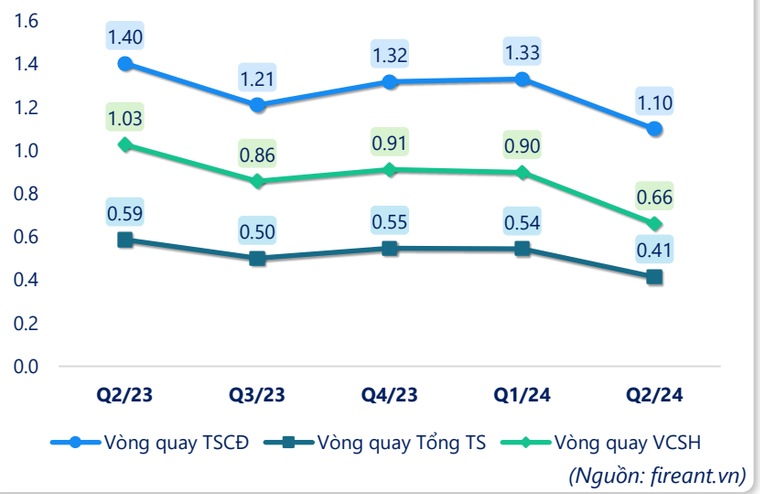
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



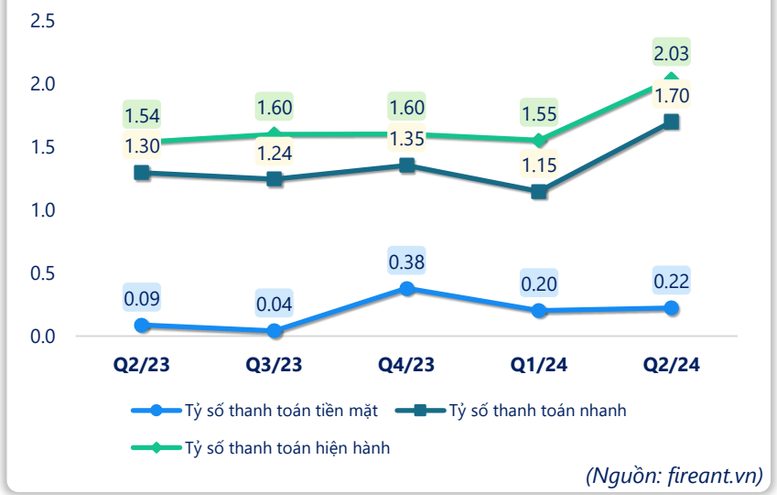
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



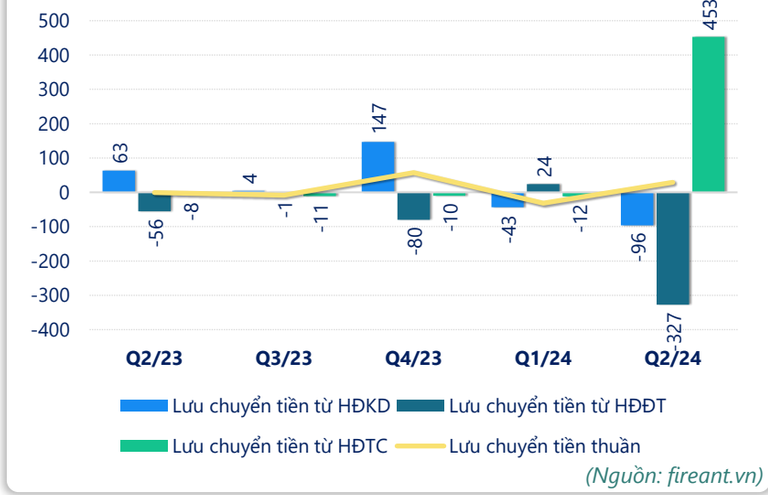
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Create Capital Việt Nam (HSX: CRC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,245**	**648**	**92.1%**
Tài sản ngắn hạn	571	272	110%
Tiền và tương đương tiền	62.4	64.5	-3.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.0	48.8	-71.4%
Phải thu ngắn hạn	356	95.4	274%
Hàng tồn kho	94.1	42.3	122%
Tài sản ngắn hạn khác	44.1	21.3	107%
Tài sản dài hạn	**674**	**376**	**79.4%**
Phải thu dài hạn	48.0	42.5	13.0%
Tài sản cố định	446	266	67.9%
Bất động sản đầu tư	75.0	0	
Tài sản dở dang	72.7	66.5	9.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	24.8	0.50	4864%
Tài sản dài hạn khác	**4.10**	**0.66**	**526%**
Lợi thế thương mại	3.28	0	
Nợ phải trả	443	246	80.2%
Nợ ngắn hạn	**281**	**170**	**65.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	243	162	50.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	30.6	4.64	560%
Nợ dài hạn	162	75.6	114%
Vay và nợ thuê dài hạn	162	75.5	114%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**802**	**402**	**99.3%**
Vốn chủ sở hữu	**802**	**402**	**99.3%**
Vốn điều lệ	600	300	100%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	113	67.9	103	72.5	149
Giá vốn hàng bán	99.7	57.1	91.0	57.4	128
Lợi nhuận gộp	13.3	10.8	12.4	15.1	21.7
Doanh thu HĐTC	0.07	0.20	0.55	0.28	0.29
Chi phí TC	4.22	3.45	4.29	2.81	5.28
Chi phí lãi vay	4.22	3.45	4.29	2.81	5.28
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.25	0.00	0.18	0.00	1.16
Chi phí QLDN	1.56	0.85	1.82	2.08	2.90
LN thuần từ HĐKD	7.29	6.68	6.65	10.5	12.6
Lợi nhuận khác	-0.01	0.00	0.12	-0.02	23.1
LN trước thuế	7.28	6.68	6.77	10.5	35.7
Lợi nhuận sau thuế	7.01	6.48	6.51	10.4	35.4
LNST của CĐ cty mẹ	6.86	6.34	6.38	10.1	34.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	63.0	4.24	147	-43.5	-96.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-55.8	-1.44	-79.8	23.9	-327
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-7.96	-11.2	-9.79	-12.0	453
Tiền đầu kỳ	16.3	15.6	7.19	64.5	32.9
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.71**	**-8.44**	**57.3**	**-31.6**	**29.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	15.6	7.19	64.5	32.9	62.4

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic